

Bản án số: 567/2025/HS-PT

Ngày: 17 -11 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Thanh Dũng

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường – Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh T - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm là trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần là trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (cơ sở 2) mở phiên tòa xét xử trực tuyến công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 367/2025/TLPT-HS ngày 09 tháng 5 năm 2025 đối với các bị cáo Võ Thị D, Trương Thị Kiều L, Trương Thành T1, Nguyễn Tùng K, Mạch Thị Anh T2 (tên gọi khác là Út H), Nguyễn Trường V (tên gọi khác là D2), Lê Phước V1, Nguyễn Thị Kim T3 (tên gọi khác là T4), Lê Thị C, Lê Thị P, Nguyễn Văn T5 và Nguyễn Thị C1. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2025/HS-ST ngày 27/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Bị cáo kháng cáo:

1. **Võ Thị D**, sinh ngày 08/9/1988 tại huyện C, tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Tổ D, ấp B, xã A, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã B, tỉnh An Giang); nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn: Không; con ông Võ Văn T6 và bà Phan Thị B; chồng là Nguyễn Thành L1 và có 03 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/12/2023 cho đến nay tại Trại tạm giam - Công an tỉnh A (có mặt tại điểm cầu thành phần).

2. **Trương Thị Kiều L**, sinh ngày 01/01/1981 tại huyện C, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Tổ A, ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã B, tỉnh An Giang); nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật Giáo; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn: Không; con ông Trương Thành S và bà Hàng Thị Thu H1; chồng: Nguyễn Tiến L2; con: 01 người;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, (có mặt tại điểm cầu thành phần).

3. **Trương Thành T1**, sinh ngày 02/7/1969 tại huyện C, tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã B, tỉnh An Giang); nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Phước Đ và bà Nguyễn Thị T7; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, (có mặt tại điểm cầu thành phần)

4. **Nguyễn Tùng K**, sinh ngày 25/10/1970 tại huyện C, tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Tổ C, ấp C, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã C, tỉnh An Giang); nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T8 và bà Trương Thị Kim S1, vợ là Lê Thị U và có 02 con;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, (có mặt tại điểm cầu thành phần)

5. **Mạch Thị Anh T2 (tên gọi khác là Út H)**, sinh ngày 29/8/1992 tại huyện C, tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã B, tỉnh An Giang); nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mạch Thanh T9 và bà Lê Thị Cẩm H2; bị cáo chưa có chồng, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, (có mặt tại điểm cầu thành phần).

6. **Nguyễn Trường V (tên gọi khác là D2)**, sinh ngày 27/11/1980 tại huyện C, tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Tổ E, ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã B, tỉnh An Giang); nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc

tịch: Việt Nam; đảng, đoàn: Không; con ông Nguyễn Văn S2 và bà Phạm Thị L3; vợ là Nguyễn Thị Hồng L4 và có 02 con;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, (có mặt tại điểm cầu thành phần).

7. **Lê Phước V1**, sinh ngày 19/12/1984 tại huyện C, tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã B, tỉnh An Giang); nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T10 và bà Trần Thị C2; bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, (có mặt tại điểm cầu thành phần)

8. **Nguyễn Thị Kim T3 (tên gọi khác là T4)**, sinh ngày 01/01/1981 tại huyện C, tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Tổ A, ấp C, xã C, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã C, tỉnh An Giang); nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B1 và bà Cao Thị N; chồng là Bùi Văn K1 và có 02 con;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, (có mặt tại điểm cầu thành phần).

9. **Lê Thị C**, sinh ngày 25/5/1965 tại huyện C, tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Tổ A, ấp C, xã C, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã C, tỉnh An Giang); nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hữu D1 và bà Lê Thị C3; chồng là Huỳnh Thiện T11 và có 02 con;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, (có mặt tại điểm cầu thành phần).

10. **Lê Thị P**, sinh ngày 01/01/1960 tại huyện C, tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Tổ A, ấp C, xã C, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã C, tỉnh An Giang); nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn: Không; con ông Lê Hữu D1 và bà Lê Thị C3; chồng là Lưu Văn Đ1 và có 02 con;.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 20/02/2024, bị Ủy Ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh An Giang xử phạt vi phạm hành chính 350.000 đồng, về hành vi mua số lô, số đề (đã nộp phạt).

Bị cáo tại ngoại, (có mặt tại điểm cầu thành phần).

11. **Nguyễn Văn T5**, sinh ngày 01/01/1984 tại huyện C, tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Tổ A, ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã B, tỉnh An Giang); nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn: Không; con ông Nguyễn Văn H3 và bà Mai Thị L5; vợ là Nguyễn Trần Xuân M và có 02 con;

Tiền án: Không.

Tiền sự: ngày 20/9/2023 bị Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang xử phạt vi phạm hành chính 3.500.000 đồng, về hành vi bán số lô, số đề (đã nộp phạt).

Bị cáo tại ngoại, (có mặt tại điểm cầu thành phần).

12. **Nguyễn Thị C1**, sinh ngày 01/01/1963 tại huyện C, tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Tổ B, ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã B, tỉnh An Giang); nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn G và bà Trần Thị H4; chồng là Nguyễn Văn H5 và có 05 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, (có mặt tại điểm cầu thành phần).

- **Người bào chữa cho bị cáo Trương Thị Kiều L và Nguyễn Trường V:** Luật sư Võ Văn M1 – Văn phòng Luật sư Hồ Văn T12, thuộc Đoàn luật sư tỉnh A (có mặt tại điểm cầu thành phần)

Địa chỉ: Số B L, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là Số B L, khóm Đ, phường L, tỉnh An Giang)

- **Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Kim T3:** Luật sư Phạm Thái B2 – Văn phòng L7, thuộc Đoàn luật sư tỉnh A (có mặt tại điểm cầu thành phần)

Địa chỉ: Tổ D, khóm H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang (nay là Tổ D, khóm H, xã A, tỉnh An Giang)

- **Người bào chữa cho bị cáo Lê Phước V1:** Luật sư Nguyễn Văn H6 – Văn phòng L8, thuộc Đoàn luật sư tỉnh A (có mặt tại điểm cầu thành phần)

Địa chỉ: số I đường L, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là số I đường L, phường B, tỉnh An Giang)

- **Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị P và Lê Thị C:** Luật sư Nguyễn Ngô Quang N1 – Công ty L9 Luật (J), thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt tại điểm cầu thành phần)

Địa chỉ: K-3.28 Cao ốc K, B H, Phường H, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là K-3.28 Cao ốc K, B H, Phường P, Thành phố Hồ Chí Minh).

- **Người bào chữa cho bị cáo Mạch Thị Anh T2:** Luật sư Hồ Hoàng P1 – Văn phòng L10, Đoàn luật sư tỉnh A (có mặt tại điểm cầu thành phần)

Địa chỉ: Số A (Số C) Trần Hưng Đ2, tổ A, khóm B, phường L, tỉnh An Giang

- **Người bào chữa cho bị cáo Trương Thành T1:** Ông Trần Phước T13 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm T21 tỉnh An Giang (có mặt tại điểm cầu thành phần)

Địa chỉ: 8 đường L, phường L, tỉnh An Giang

(Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Ngọc T14 có kháng cáo nhưng đã rút kháng cáo, các bị cáo khác và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nhận được tố giác của quần chúng nhân dân, tố giác nhiều đối tượng có hành vi đánh bạc bằng hình thức số lô, số đề xảy ra trên địa bàn các huyện C, C, tỉnh An Giang theo các đơn ghi ngày 10/11/2023, ngày 15/11/2023, ngày 19/11/2023 và ngày 20/11/2023. Qua kiểm tra xác minh, ngày 23/12/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A ra Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Võ Văn T15 tại tổ A, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; Võ Thị D tại tổ D, ấp B, xã A, huyện C, tỉnh An Giang; Phan Thị Diệu H7 tại số C, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; Nguyễn Tiến L2 tại ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; Nguyễn Ngọc T14 tại tổ B, ấp B, xã A, huyện C, tỉnh An Giang; Đỗ Thị Kim B3 tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang và Trương Thành T1 tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Qua khám xét thu giữ số tiền 654.399.000đ , 16 điện thoại di động các loại, 02 máy tính bảng, 08 máy tính cầm tay và nhiều tài liệu, đồ vật có liên quan đến hoạt động ghi bán số lô, số đề. Khi vụ án bị phát hiện, Võ Thị D, Võ Văn T15, Phan Thị Diệu H7, Nguyễn Ngọc T14, Phạm Kim N2, Trương Thành T1, Đỗ Thị Kim B3, Nguyễn Thị Hồng N3, Mạch Thị Anh T2, Võ Thị Hồng Đ3, Nguyễn Tùng K, Lê Thị Thanh H8, Hồ Minh T16, Nguyễn Thị Ngọc T17, Lê Thị L6, Lê Thị C, Nguyễn Trường V, Lê Phước V1, Lê Thị P, Nguyễn Thị Kim T3, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Hồng H9 và Trương Thị Kiều L, Nguyễn Thị

C1 nhận thấy hành vi tổ chức đánh bạc và đánh bạc bằng hình thức mua, bán số lô, số đề được thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nên lần lượt ra đầu thú.

Kết quả điều tra xác định: Từ tháng 9/2020 đến ngày 22/12/2023, các bị cáo đã thông qua mạng xã hội Zalo, tin nhắn SMS trên điện thoại di động và trực tiếp điện thoại để thực hiện việc tổ chức đánh bạc, đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề hoặc nhận, giao phối số đề được thua bằng tiền từ kết quả xổ số kiến thiết của các đài miền N, miền B. Mỗi ngày, căn cứ kết quả xổ số kiến thiết của các đài miền N, miền B đối với từng lô số, như: lô A 02 số (là 02 số của giải đầu); lô A 03 số (là 03 số của giải bảy); lô B 02 số, 03 số (là 02 số và 03 số cuối cùng của giải đặc biệt) của các đài miền N, miền B; bao lô 02 số, 03 số (là 02 số và 03 số cuối cùng của 18 dãy số các đài miền N; 27 dãy số các đài miền B); số đá (là 02 cặp số cuối cùng đá với nhau của 18 dãy số các đài miền N; 27 dãy số của đài miền B).

Tỷ lệ cá cược: Đối với số A, B, lô 02 chữ số 1.000đ thắng 80.000đ; đối với số A, B, lô 03 chữ số 1.000đ thắng 600.000đ; số đá 1.000đ thắng 700.000đ. Sau khi có kết quả xổ số kiến thiết các đài miền N và miền B, các bị cáo và những người tham gia đánh bạc thống nhất số tiền thắng, thua, sau đó sẽ thanh toán thông qua giao dịch chuyển khoản Ngân hàng hoặc trực tiếp trả tiền mặt. Hành vi Tổ chức đánh bạc và đánh bạc của các bị cáo được xác định như sau:

1. Võ Thị D: Từ tháng 04/2022 đến ngày 22/12/2023, D sử dụng tài khoản Zalo “Thành thị” và “Ken” để bán, nhận phối số lô, số đề của Võ Văn T15, Nguyễn Ngọc T14, Trương Thị Kiều L, Hồ Minh T16, Nguyễn Thị Ngọc T17, Trương Thành T1 và một số người khác (chưa xác định được họ tên, địa chỉ); D sử dụng 03 tài khoản Ngân hàng S3, số G, tên Võ Thị D; số 070124332999 tên Nguyễn Thành L1 (chồng D) và số 070126184318 tên Nguyễn Ngọc T14 để chuyển khoản giao dịch tiền đánh bạc, tổng số tiền đánh bạc từ 862.500đ đến 39.663.000đ/ngày, tổng thu lợi 124.512.000đ, đã nộp 20.000.000đ. Trong đó:

* Hành vi tổ chức đánh bạc:

- Ngày 03/11/2023, D nhận phối số lô, số đề của Võ Văn T15 đài Vĩnh Long là 6.800.000đ, không có số trúng.

- Từ ngày 24/11/2023 đến ngày 22/12/2023, D nhiều lần nhận phối số lô, số đề của Nguyễn Ngọc T14, các đài miền N, miền B từ 135.000đ đến 28.284.000đ/ngày. Trong đó: Ngày 16/12/2023, số tiền T14 giao phối số lô, số đề các đài miền N là 16.284.000đ, số tiền trúng là 12.000.000đ, tổng số tiền đánh bạc 28.284.000đ.

- Ngày 22/12/2023, D nhận phối số lô, số đề của Trương Thị Kiều L các đài miền N là 12.000.000đ, không có số trúng.

- Từ tháng 4/2022 đến tháng 12/2023, D nhận phối số lô, số đề của Trương Thành T1, các đài miền N từ 380.000đ đến 39.663.000đ/ngày. Trong đó có 4 ngày, số tiền nhận phối đề trên 20.000.000đ, cụ thể:

+ Ngày 19/3/2021, số tiền trong phôi số lô, số đề đài Vĩnh Long là 2.309.000đ, số tiền trúng là 18.400.000đ, tổng số tiền đánh bạc 20.709.000đ.

+ Ngày 07/6/2021, số tiền trong phôi số lô, số đề đài Đồng Tháp là 2.648.000đ, số tiền trúng 26.240.000đ, tổng số tiền đánh bạc 28.888.000đ.

+ Ngày 08/6/2021, số tiền trong phôi số lô, số đề đài Bạc Liêu là 3.103.000 đồng, số tiền trúng 36.560.000đ, tổng số tiền đánh bạc 39.663.000đ.

+ Ngày 11/6/2021, số tiền trong phôi số lô, số đề đài Vĩnh Long là 2.625.000 đồng, số tiền trúng 17.760.000đ, tổng số tiền đánh bạc 20.385.000đ.

Tổng số tiền D thu lợi từ hành vi “Tổ chức đánh bạc” là 109.357.000đ.

* Hành vi đánh bạc:

- Ngày 08/12/2023, D bán số lô, số đề cho Hồ Minh T16 đài Vĩnh Long là 6.000.000đ, không có số trúng.

- Ngày 03/11/2023, D bán số lô, số đề cho Nguyễn Thị Ngọc T17 đài Vĩnh Long là 13.555.000đ.

Tổng số tiền D thu lợi từ hành vi “đánh bạc” là 14.755.000đ.

2. Trương Thị Kiều L:

Từ ngày 05/11/2021 đến ngày 22/12/2023, L bán, nhận phôi số lô, số đề cho Nguyễn Thị Kim T3, Lê Phước V1, Lê Thị C, Lê Thị P, Nguyễn Thị C1, Nguyễn Hồng H9, Nguyễn Trường V, Nguyễn Văn T5 và một số người khác không rõ họ tên, địa chỉ, thông qua hình thức người tham gia đánh bạc gọi điện thoại trực tiếp cho L, đọc các con số đề và số tiền đánh bạc, L ghi chép lại, đồng thời ghi âm nội dung các cuộc gọi đánh bạc để đối chiếu kết quả thắng thua trong ngày. Loạn giữ lại một vài số lô, số đề để trực tiếp thắng thua với người đánh bạc, còn lại giao phôi số lô, số đề cho Võ Thị D để hưởng huê hồng. Sau khi có kết quả xổ số, xác định số tiền thắng, thua thì thanh toán tiền mặt hoặc sử dụng tài khoản Ngân hàng S3 số 070130490921 tên Trương Thị Kiều L và số 070068197481 tên Nguyễn Tiến L2 (Chồng bị can L) để thanh toán tiền đánh bạc. Tổng số tiền các đài miền N, miền B từ 825.000đ đến 73.185.500đ/ngày, tổng thu lợi 352.385.000đ, đã giao nộp 10.000.000đ, Trong đó:

* Hành vi tổ chức đánh bạc:

Từ tháng 11/2021 đến tháng 12/2023, L nhận phôi số lô, số đề của Nguyễn Thị Kim T3, Lê Phước V1, Lê Thị C, Lê Thị P, Nguyễn Thị C1, Nguyễn Hồng H9, Nguyễn Trường V, Nguyễn Văn T5, có 14 ngày, tổng số tiền phôi đề trên 20.000.000đ, gồm:

- Ngày 15/11/2021, các đài miền N, tiền đánh bạc với C1 là 21.078.500đ, H9 là 3.416.000 đồng, V 345.000đ. Tổng số tiền đánh bạc 24.839.000đ.

- Ngày 13/12/2021, các đài miền N, tiền đánh bạc với C1 là 4.962.500đ, H9 là 4.311.000đ, V là 18.765.000đ. Tổng số tiền đánh bạc 28.038.500đ.

- Ngày 22/01/2022, các đài miền N, tiền đánh bạc với C1 là 25.801.000 đồng, H9 là 1.867.500đ, V là 245.000đ, V1 là 245.000đ. Tổng số tiền đánh bạc 28.897.500đ.

- Ngày 30/01/2022, các đài miền N, tiền đánh bạc với C1 là 6.771.500đ, H9 là 3.104.500đ, V1 là 13.450.000đ. Tổng số tiền đánh bạc 23.326.000đ.

- Ngày 28/02/2022, các đài miền N, tiền đánh bạc với C1 là 2.276.500đ, H9 là 7.733.500đ, V1 là 15.175.000đ. Tổng số tiền đánh bạc 25.185.000đ.

- Ngày 14/3/2022, các đài miền N, tiền đánh bạc với C1 là 13.315.500đ, H9 là 7.209.500đ. Tổng số tiền đánh bạc 20.524.000đ.

- Ngày 15/01/2023, các đài miền N, tiền đánh bạc với C1 là 42.222.500đ, H9 là 4.022.000đ. Tổng số tiền đánh bạc 46.244.500đ.

- Ngày 10/3/2023, các đài miền N, tiền đánh bạc với C1 là 5.050.500 đồng, H9 là 4.172.500đ, P là 13.327.500đ, Tiếng là 10.274.000đ. Tổng số tiền đánh bạc 32.824.500đ.

- Ngày 02/4/2023, các đài miền N, tiền đánh bạc với C1 là 24.171.500đ, H9 là 2.454.500đ, Tiếng là 2.030.000đ. Tổng số tiền đánh bạc 28.656.500đ.

- Ngày 04/8/2023, các đài miền N, tiền đánh bạc với C1 là 1.232.500 đồng, H9 là 1.823.500đ, C là 26.480.000đ. Tổng số tiền đánh bạc 29.535.500đ.

- Ngày 22/8/2023, các đài miền N, tiền đánh bạc với C1 là 3.248.500đ, H9 là 3.045.500đ, C là 5.530.000đ, T5 là 2.650.000đ, P là 9.472.000đ. Tổng số tiền đánh bạc 23.946.000đ.

- Ngày 28/6/2023, đài miền N tổng số tiền đánh bạc với C1 là 67.639.000đ.

- Ngày 27/9/2023, các đài miền N, tiền đánh bạc với C1 là 18.887.500đ, H9 là 5.036.500đ. Tổng số tiền đánh bạc 23.923.500đ.

- Ngày 04/11/2023, các đài miền N, tiền đánh bạc với C1 là 22.069.500đ, H9 là 3.765.500đ. Tổng số tiền đánh bạc 25.835.000đ.

Ngoài ra, ngày 22/12/2023, L còn giao phối số lô, số đề cho Võ Thị D các đài miền N là 12.000.000đ, không có số trúng.

Tổng số tiền L thu lợi từ hành vi tổ chức đánh bạc là 184.570.000đ.

* Đối với hành vi đánh bạc:

Từ ngày 05/11/2021 đến ngày 22/12/2023, L bán số lô, số đề cho Nguyễn Thị Kim T3, Lê Phước V1, Lê Thị C, Lê Thị P, Nguyễn Thị C1, Nguyễn Hồng H9, Nguyễn Trường V, Nguyễn Văn T5, Hàng Ngọc T18 và một số người khác

không họ tên, địa chỉ. Tổng số tiền các đài miền N, miền B từ 825.000đ đến 73.185.500đ/ngày, cụ thể: Nguyễn Thị C1 từ 58.000đ đến 67.639.000đ/ngày; Nguyễn Hồng H9 từ 837.500đ đến 14.054.500đ/ngày; Nguyễn Trường V từ 50.000đ đến 18.765.000đ/ngày; Lê Phước V1 từ 284.000đ đến 15.175.000đ/ngày; Nguyễn Thị Kim T3 từ 20.000đ đến 10.274.000đ/ngày; Lê Thị C từ 2.135.000đ đến 26.480.000đ/ngày; Lê Thị P từ 50.000đ đến 6.280.000đ/ngày; Nguyễn Văn T5 từ 217.500đ đến 13.100.000đ/ngày; Hàng Ngọc T18 từ 50.000đ đến 1.935.000đ/ngày.

Tổng số tiền L thu lợi hành vi đánh bạc là 167.815.000đ.

3. Võ Văn T15:

Hành vi tổ chức đánh bạc: Từ tháng 01/2023 đến ngày 22/12/2023, T15 nhận phôi số lô, số đề của Phan Thị Diệu H7, Đỗ Thị Kim B3, sau đó giao phôi cho Võ Thị D để hưởng hoa hồng. Sau khi có kết quả xổ số kiến thiết các đài miền N, miền B hàng ngày, xác định số tiền thắng thua với người đánh bạc, T15 sử dụng tài khoản Ngân hàng S3 số 070126220969 tên Võ Văn T15 để chuyển khoản giao dịch tiền đánh bạc, tổng số tiền đánh bạc từ 2.410.000 đồng đến 44.000.500đ, thu lợi 249.228.000đ, đã giao nộp 20.000.000đ. Trong đó: Có 97 ngày nhận, giao phôi số tiền trên 5.000.000đ nhưng dưới 20.000.000đ, có 06 ngày nhận phôi số tiền trên 20.000.000đ, cụ thể:

- Đối với Phan Thị Diệu H7: Ngày 22/12/2023, T15 nhận phôi số lô, số đề các đài miền N là 30.000.000đ, không có số trúng.

- Từ tháng 9/2023 đến tháng 12/2023, T15 nhận phôi số lô, số đề Đỗ Thị Kim B3, các đài miền N, miền B4 từ 935.500đ đến 37.881.000đ/ngày. Trong đó, có 05 ngày nhận phôi đề số tiền trên 20.000.000đ, cụ thể:

- + Ngày 27/09/2023, đài Cần Thơ, số tiền trong phôi đề 5.480.000đ, số tiền trúng 32.000.000đ, tổng số tiền đánh bạc 37.811.000đ.

- + Ngày 06/10/2023, đài Vĩnh Long, số tiền trong phôi đề 7.171.000đ, số tiền trúng 21.600.000đ, tổng số tiền đánh bạc 28.771.000đ.

- + Ngày 10/10/2023, đài Bạc Liêu, số tiền trong phôi đề 10.064.000đ, số tiền trúng 11.200.000đ, tổng số tiền đánh bạc 21.264.000đ.

- + Ngày 19/10/2023, đài An Giang, số tiền trong phôi đề 6.896.000đ, số tiền trúng 14.200.000đ, tổng số tiền đánh bạc 20.896.000đ.

- + Ngày 15/12/2023, đài Vĩnh Long, số tiền trong phôi đề 7.253.500đ, số tiền trúng 16.000.000đ, tổng số tiền đánh bạc 23.253.500đ.

4. Nguyễn Ngọc T14:

Từ tháng 04/2023 đến ngày 22/12/2023, T14 nhận phôi số lô, số đề của Phạm Kim N2, Nguyễn Thị Hồng N3, Mạch Thị Anh T2, sau đó giao phôi đề lại cho Võ Thị D để hưởng hoa hồng, tổng số tiền đánh bạc từ 247.000đ đến

41.668.000đ. T14 thanh toán tiền thắng thua trực tiếp với người đánh bạc, thu lợi 12.088.000đ, đã giao nộp 12.088.000đ, cụ thể:

+ Từ ngày 24/11/2023 đến ngày 22/12/2023, T14 giao phôi số lô, số đề cho D các đài miền N, miền B từ 135.000đ đến 28.284.000đ/ngày. Trong đó: Ngày 16/12/2023, T14 giao phôi số lô, số đề các đài miền N là 16.284.000đ, số tiền trúng là 12.000.000đ, tổng số tiền đánh bạc 28.284.000đ/ngày.

+ Từ ngày 03/11/2023 đến ngày 22/12/2023, T14 nhận phôi số lô, số đề của Nguyễn Thị Hồng N3 các đài miền N, miền B từ 152.000đ đến 12.430.000đ/ngày.

+ Từ ngày 26/9/2023 đến ngày 22/12/2023, T14 nhận phôi số lô, số đề của Mạch Thị Anh T2 các đài miền N, miền B từ 852.500đ đến 19.093.000đ/ngày.

+ Từ ngày 09/12/2023 đến ngày 22/12/2023, T14 nhận phôi số lô, số đề của Phạm Kim N2 đài miền N, miền B từ 886.000đ đến 10.814.800đ/ngày.

5. Trương Thành T1:

Từ tháng 9/2020 đến ngày 22/12/2023, T1 bán số lô, số đề cho Lê Thị Thanh H8, nhiều người không rõ họ tên, địa chỉ và nhận phôi số lô, số đề của Nguyễn Tùng K. Sau đó, T1 tổng hợp phôi số lô, số đề lại, chụp hình chuyển qua tin nhắn Zalo giao cho Võ Thị D để hưởng hoa hồng, T1 sử dụng tài khoản Ngân hàng S3 số 070121475780 tên Trương Thành T1 để chuyển khoản thanh toán tiền đánh bạc với D qua 03 tài khoản Ngân hàng S3 tên Võ Thị D, Nguyễn Thành L1 và Nguyễn Ngọc T14, tổng số tiền Thâm đánh bạc các đài miền N từ 380.000đ đến 39.663.000đ/ngày, thu lợi 29.583.610đ, cụ thể:

- Từ tháng 9/2020 đến ngày 22/12/2023, T1 nhận phôi số lô, số đề của Nguyễn Tùng K rồi giao lại cho Võ Thị D các đài miền N từ 380.000đ đến 39.663.000đ/ngày. Trong đó: Có 4 ngày, số tiền nhận phôi đề trên 20.000.000, cụ thể:

+ Ngày 19/3/2021, số tiền trong phôi số lô, số đề đài Vĩnh Long là 2.309.000 đồng, số tiền trúng là 18.400.000đ, tổng số tiền đánh bạc 20.709.000đ.

+ Ngày 07/6/2021, số tiền trong phôi số lô, số đề đài Đồng Tháp là 2.648.000 đồng, số tiền trúng 26.240.000đ, tổng số tiền đánh bạc 28.888.000đ.

+ Ngày 08/6/2021, số tiền trong phôi số lô, số đề đài Bạc Liêu là 3.103.000 đồng, số tiền trúng 36.560.000đ, tổng số tiền đánh bạc 39.663.000đ.

+ Ngày 11/6/2021, số tiền trong phôi số lô, số đề đài Vĩnh Long là 2.625.000 đồng, số tiền trúng 17.760.000đ, tổng số tiền đánh bạc 20.385.000đ.

Ngoài ra, ngày 22/12/2023, T1 bán số lô, số đề cho Lê Thị Thanh H8 rồi giao lại cho Võ Thị D với tổng số tiền các đài miền N là 15.420.000đ.

6. Đỗ Thị Kim B3:

Từ tháng 02/2023 đến ngày 22/12/2023, Kim B3 nhận phôi số lô, số đề của Lê Thị L6 và bán số lô, số đề cho Nguyễn Thị H10, Võ Hoàng D2, nhiều người không rõ họ tên, địa chỉ, sau đó tổng hợp phôi đề lại, giữ lại một số con số đề tự thắng thua, còn lại giao phôi đề cho Võ Văn T15 để hưởng hoa hồng, các đài miền N, miền B từ 339.000đ đến 37.881.000đ/ngày. Kim Ba thanh toán tiền thắng thua trực tiếp với người đánh bạc, thu lợi 35.518.450đ, đã giao nộp 10.000.000đ, cụ thể:

- Ngày 22/12/2023, Lê Thị L6 giao phôi số lô, số đề cho Kim B3, các đài miền N, miền B tổng số tiền 9.310.000đ.

- Ngày 22/12/2023, Nguyễn Thị H10 mua số lô, số đề của Kim B3, đài Vĩnh Long là 3.293.500đ; đài miền B là 1.001.000đ; Võ Hoàng D2 mua số lô, số đề của Kim B3, đài Vĩnh Long là 4.116.500đ; đài miền B là 2.445.250đ.

- Ngoài ra, từ tháng 9/2023 đến tháng 12/2023, Kim B3 giao phôi số lô, số đề cho Võ Văn T15 các đài miền N, miền B từ 935.500 đồng đến 37.881.000 đồng/ngày. Trong đó, có 05 ngày số tiền trong phôi đề trên 20.000.000đ, cụ thể:

+ Ngày 27/09/2023, đài Cần Thơ, số tiền trong phôi đề 5.480.000đ, số tiền trúng 32.000.000đ, tổng số tiền đánh bạc 37.811.000đ.

+ Ngày 06/10/2023, đài Vĩnh Long, số tiền trong phôi đề 7.171.000đ, số tiền trúng 21.600.000đ, tổng số tiền đánh bạc 28.771.000đ.

+ Ngày 10/10/2023, đài Bạc Liêu, số tiền trong phôi đề 10.064.000đ, số tiền trúng 11.200.000đ, tổng số tiền đánh bạc 21.264.000đ.

+ Ngày 19/10/2023, đài An Giang, số tiền trong phôi đề 6.896.000đ, số tiền trúng 14.200.000đ, tổng số tiền đánh bạc 20.896.000đ.

+ Ngày 15/12/2023, đài Vĩnh Long, số tiền trong phôi đề 7.253.500đ, số tiền trúng 16.000.000đ, tổng số tiền đánh bạc 23.253.500đ.

7. Phan Thị Diệu H7:

Từ tháng 01/2022, H7 tổ chức đánh bạc bằng hình thức nhận phôi số lô, số đề của Võ Thị Hồng Đ3, giữ lại một số con số đề tự thắng thua, còn lại giao phôi số lô, số đề cho Võ Văn T15 để hưởng hoa hồng, tổng số tiền đánh bạc các đài miền N từ 20.712.000đ đến 30.000.000đ/ngày. H7 sử dụng 02 tài khoản Ngân hàng S3, số G tên Phan Thị Diệu H7 và số 070107400883 tên Thiệu Chí T19 (chồng H7, đã ly hôn) do H7 sử dụng để giao dịch thanh toán tiền thắng thua với người tham gia đánh bạc, cụ thể:

- Ngày 13/12/2023, H7 nhận phôi số lô, số đề của Võ Thị Hồng Đ3 các đài miền N 3.000.000đ, không có số trúng.

- Ngày 21/12/2023, H7 nhận phơi số lô, số đề của Võ Thị Hồng Đ3 các đài miền N là 20.712.000đ.

- Ngày 22/12/2023, H7 giao phơi số lô, số đề cho Võ Văn T15 các đài miền N là 30.000.000đ, không có số trúng.

8. Phạm Kim N2: Từ ngày 09/12/2023 đến ngày 22/12/2023, N2 giao phơi số lô, số đề cho Nguyễn Ngọc T14 các đài miền N, miền B từ 886.000đ đến 10.814.800đ/ngày. T20 lợi 6.075.000đ, đã giao nộp 6.075.000đ.

9. Nguyễn Tùng K: Từ tháng 9/2020 đến ngày 22/12/2023, K bán số đề cho nhiều người không rõ họ tên, địa chỉ. Sau đó, tổng hợp phơi số lô, số đề giao lại cho Trương Thành T1 các đài miền N từ 380.000 đồng đến 39.663.000đ/ngày.

10. Nguyễn Thị Hồng N3: Từ ngày 03/11/2023 đến ngày 22/12/2023, N3 bán số lô, số đề cho nhiều người không rõ họ tên, địa chỉ. Sau đó, tổng hợp phơi số lô, số đề giao lại cho Nguyễn Ngọc T14 để hưởng hoa hồng, từ 247.000đ đến 12.430.000đ/ngày. T20 lợi 16.796.960đ, đã giao nộp 3.000.000đ.

11. Mạch Thị Anh T2: Từ ngày 26/9/2023 đến ngày 22/12/2023, T2 bán số lô, số đề cho nhiều người không rõ họ tên, địa chỉ. Sau đó, tổng hợp phơi số lô, số đề giao lại cho Nguyễn Ngọc T14, để hưởng hoa hồng, từ 852.500đ đến 19.093.000đ/ngày. T20 lợi 4.304.000đ, đã giao nộp 4.304.000đ.

12. Võ Thị Hồng Đ3: Từ giữa tháng 11/2023, Đ3 bán số lô, số đề cho nhiều người không rõ họ tên, địa chỉ. Sau đó, tổng hợp phơi số lô, số đề giao lại cho Phan Thị Diệu H7 để hưởng hoa hồng và sử dụng tài khoản Ngân hàng A số 3788301 tên Võ Thị Hồng Đ3 để chuyển khoản thanh toán tiền thắng thua với H7. Ngày 13/12/2023, số tiền đánh bạc các đài miền N 3.000.000đ, không có số trúng. Ngày 21/12/2023, số tiền đánh bạc các đài miền N là 20.712.000đ. T20 lợi 571.000đ, đã giao nộp 571.000đ.

13. Lê Thị Thanh H8: Ngày 22/12/2023, H8 đánh bạc mua số lô, số đề của Trương Thành T1 đài Vĩnh Long là 15.420.000đ, thu lợi 10.180.000đ và đã giao nộp 10.180.000đ.

14. Hồ Minh T16: Ngày 08/12/2023, T16 đánh bạc mua số lô, số đề của Võ Thị Diệu đài V2 là 6.000.000đ, không có số trúng.

15. Nguyễn Thị C1: Từ ngày 05/11/2021 đến ngày 22/12/2023, C1 điện thoại đánh bạc mua số lô, số đề của Trương Thị Kiều L các đài miền N từ 58.000đ đến 67.639.000đ/ngày; đài miền B từ 230.000đ đến 11.881.500đ/ngày. Trong đó, ngày 28/6/2023, đài miền N tổng số tiền đánh bạc là 67.639.000đ.

16. Nguyễn Hồng H9: Từ tháng 11/2021 đến tháng 12/2023, H9 điện thoại mua số lô, số đề của Trương Thị Kiều L, các đài miền N từ 837.500đ đến 14.054.500đ/ngày; đài miền B từ 110.000đ đến 11.881.500đ/ngày.

17. Nguyễn Trường V: Từ ngày 05/11/2021 đến ngày 20/02/2022, V điện thoại mua số lô, số đề của Trương Thị Kiều L, các đài miền N từ 50.000đ đến 18.765.000đ/ngày; đài miền B từ 50.000đ đến 220.000đ/ngày. T20 lợi 10.877.500đ, đã giao nộp 10.877.500đ.

18. Lê Phước V1: Từ tháng 01/2022 đến tháng 03/2022, V1 điện thoại mua số lô, số đề của Trương Thị Kiều L, các đài miền N từ 284.000đ đến 15.175.000đ/ngày; đài miền B từ 1.100.000đ đến 10.400.000đ/ngày.

19. Nguyễn Thị Kim T3: Từ ngày 13/10/2022 đến ngày 14/4/2023, T3 điện thoại mua số lô, số đề của Trương Thị Kiều L các đài miền N từ 20.000đ đến 10.274.000đ/ngày; đài miền B từ 230.000đ đến 626.000đ/ngày.

20. Lê Thị C: Từ ngày 31/12/2022 đến ngày 22/8/2023, C điện thoại mua số lô, số đề của Trương Thị Kiều L các đài miền N từ 2.135.000đ đến 26.480.000đ/ngày. T20 lợi 24.550.000đ, đã giao nộp 4.000.000đ.

21. Lê Thị P: Từ ngày 27/02/2023 đến ngày 22/8/2023, P điện thoại mua số lô, số đề của Trương Thị Kiều L các đài miền N từ 50.000đ đến 13.327.500đ/ngày; đài miền B từ 990.000đ đến 6.280.000đ/ngày

22. Nguyễn Văn T5: Từ ngày 21/8/2023 đến ngày 31/8/2023, T5 điện thoại mua số lô, số đề của Trương Thị Kiều L các đài miền N từ 217.500đ đến 5.660.000đ/ngày; đài miền B từ 1.810.000đ đến 13.100.000đ/ngày. T20 lợi 8.655.500đ, đã giao nộp 2.000.000đ.

23. Nguyễn Thị Ngọc T17: Ngày 03/11/2023, T17 mua số lô, số đề của Võ Thị Diệu đài V2 là 13.555.000đ.

24. Lê Thị L6: Ngày 22/12/2023, Lánh bán số lô, số đề cho nhiều người không rõ họ tên, địa chỉ. Sau đó, giao phối số lô, số đề cho Đỗ Thị Kim B3 để hưởng hoa hồng, các đài miền N là 5.954.500đ; đài miền B là 3.355.500đ, thu lợi 450.000đ, đã giao nộp 450.000đ.

Các ngày 01/01/2024, 11/4/2024, 07/7/2024: Diệu, T15, H7, T14, N2, T1, Kim B3, N3, T2, Đ3, K, H8, T16, T17, L6, C, V, V1, P, T3, T5, H9, C1, L bị khởi tố để điều tra.

Lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Tiến L2 (chồng bị cáo L), Nguyễn Văn Đ4, Nguyễn Thị H10, Võ Hoàng D2, Hàng Ngọc T18, Nguyễn Thành L1 (chồng bị cáo D), Thiều Chí T19 (chồng bị cáo H7, đã ly hôn) trình bày phù hợp như nội dung vụ án. Riêng L2, Đ4 không tham gia đánh bạc dưới hình thức số lô, số đề mà giữa L2 và Đ4 đánh bạc dưới hình thức cá cược bóng đá giải hạng hai Tây Ban Nha, tiền cược trận bóng là 1.000.000đ.

Tại Cơ quan điều tra các bị cáo: Võ Thị D, Võ Văn T15, Phan Thị Diệu H7, Nguyễn Ngọc T14, Phạm Kim N2, Trương Thành T1, Đỗ Thị Kim B3, Nguyễn Thị Hồng N3, Mạch Thị Anh T2, Võ Thị Hồng Đ3, Nguyễn Tùng K, Lê

Thị Thanh H8, Hồ Minh T16, Nguyễn Thị Ngọc T17, Lê Thị L6, Lê Thị C, Nguyễn Trường V, Lê Phước V1, Lê Thị P, Nguyễn Thị Kim T3, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Hồng H9 và Trương Thị Kiều L, Nguyễn Thị C1 đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp lời khai của các bị can, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ, bảng thống kê đối chiếu số lô, số đề giữa các bị can và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

* Vật chứng thu giữ: Tổng số tiền 734.995.500đ (trong đó có tiền bị cáo giao nộp 113.545.500đ); 12 điện thoại di động các loại, 02 máy tính bảng, 08 máy tính cầm tay và nhiều tài liệu, đồ vật có liên quan vụ án. Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng: Trả lại số tiền 32.949.000đ và 04 điện thoại di động không liên quan trong vụ án.

Tại Cáo trạng số: 17/CT-VKSAG-P2 ngày 04/2/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang, đã truy tố các bị cáo Võ Thị Diệu, Trương Thị Kiều Loan phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*” và “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 2 Điều 322 và khoản 1, khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Võ Văn T15, Nguyễn Ngọc T14, Đỗ Thị Kim B3, Phan Thị Diệu H7, Trương Thành T1 phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*” quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 322 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nguyễn Thị C1, Phạm Kim N2, Nguyễn Thị Hồng N3, Mạch Thị Anh T2, Võ Thị Hồng Đ3, Nguyễn Tùng K, Lê Thị Thanh H8, Hồ Minh T16, Nguyễn Thị Ngọc T17, Lê Thị L6, Lê Thị C, Nguyễn Trường V, Lê Phước V1, Lê Thị P, Nguyễn Thị Kim T3, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Hồng H9 phạm tội “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2025/HS-ST ngày 27/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Võ Thị D, Trương Thị Kiều L phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*” và tội “*Đánh bạc*”; bị cáo Trương Thành T1 phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*”; các bị cáo Nguyễn Thị C1, Mạch Thị Anh T2, Nguyễn Tùng K, Lê Thị C, Nguyễn Trường V, Lê Phước V1, Lê Thị P, Nguyễn Thị Kim T3, Nguyễn Văn T5 phạm tội “*Đánh bạc*”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 322; khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

1. Xử phạt bị cáo Võ Thị D 05 (năm) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc” và 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc”; tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Võ Thị D phải chấp hành là 06 (sáu) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 24/12/2023).

Phạt bổ sung bị cáo Võ Thị D số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 322; điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58; Điều 54, Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

2. Xử phạt bị cáo Trương Thị Kiều L **02** (hai) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc” và **03** (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”; tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Trương Thị Kiều L phải chấp hành là **05** (năm) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 322, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

3. Xử phạt bị cáo Trương Thành T1 **01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

4. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tùng K 01 (một) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt giam bị cáo chấp hành hình phạt.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Tùng K số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

5. Xử phạt bị cáo Mạch Thị Anh T2 **01** (một) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt giam bị cáo chấp hành hình phạt.

Phạt bổ sung bị cáo Mạch Thị Anh T2 số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

6. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường V **01** (một) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Trường V số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

7. Xử phạt bị cáo Lê Phước V1 **01** (một) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Lê Phước V1 số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

8. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim T3 **01** (một) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị Kim T3 số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

9. Xử phạt bị cáo Lê Thị C **01** (một) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Lê Thị C số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

10. Xử phạt bị cáo Lê Thị P **01** (một) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Lê Thị P số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

11. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T5 **01** (một) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn T5 số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

12. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị C1 **01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị C1 số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Võ Văn T15, Nguyễn Ngọc T14, Đỗ Thị Kim B3, Phan Thị Diệu H7, Phạm Kim N2, Nguyễn Thị Hồng N3, Võ Thị Hồng Đ3, Lê Thị Thanh H8, Hồ Minh T16, Nguyễn Thị Ngọc T17, Lê Thị L6, Nguyễn Hồng H9; xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Bị cáo Võ Thị D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Nguyễn Ngọc T14 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù và hình phạt bổ sung;

Các bị cáo Mạch Thị Anh T2, Nguyễn Tùng K, Nguyễn Trường V, Trương Thị Kiều L, Nguyễn Thị Kim T3, Lê Thị C, Lê Thị P, Lê Phước V1, Trương Thành T1, Nguyễn Văn T5 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Bị cáo Nguyễn Thị C1 kháng cáo xin được chuyển sang hình phạt tiền hoặc được hưởng án treo.

Ngày 22 tháng 6 năm 2025, bị cáo Nguyễn Ngọc T14 có văn bản về việc rút toàn bộ kháng cáo.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 18/2025/HSPT-QĐ đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T14.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Võ Thị D, Trương Thị Kiều L, Trương Thành T1, Nguyễn Tùng K, Mạch Thị Anh T2 (tên gọi khác là Út H), Nguyễn Trường V (tên gọi khác là D2), Lê Phước V1, Nguyễn Thị Kim T3 (tên gọi khác là T4), Lê Thị C, Lê Thị P, Nguyễn Văn T5 và Nguyễn Thị C1 thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu và trình bày vẫn giữ kháng cáo như nội dung đơn kháng cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Trương Thị Kiều L và Nguyễn Trường V là Luật sư Võ Văn M1 phát biểu ý kiến: Đối với bị cáo L, bị cáo chỉ bán số đề, là đồng phạm trong vụ án đánh bạc chứ không tổ chức đánh bạc vì bị cáo không có cấu kết, tổ chức chặt chẽ với các con bạc. Qua khám xét, cơ quan điều tra cũng không thu thập được chứng cứ gì thể hiện bị cáo tổ chức đánh bạc. Bản thân bị cáo L ra đầu thú, mắc nhiều bệnh, nuôi mẹ già và con nhỏ đang đi học. Đối với bị cáo V, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, nhận thức pháp luật hạn chế nên mới phạm tội. Các bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo L và V, chỉ xử phạt bị cáo L phạm tội đánh bạc, xử phạt bị cáo từ 2-3 năm tù nhưng cho hưởng án treo; xử phạt bị cáo V 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Kim T3 là Luật sư Phạm Thái B2 phát biểu ý kiến: Bị cáo T3 có các tình tiết mới chưa được cấp sơ thẩm xem xét như nộp phạt bổ sung 5.000.000 đồng theo quyết định của bản án sơ thẩm; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, mẹ bị cáo và cha chồng bị cáo bị tai biến không tự đi lại được, con của bị cáo bị khuyết tật tai; bị cáo là lao động chính trong gia đình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Ngoài ra, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo tốt. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Phước V1 là Luật sư Nguyễn Văn H6 phát biểu ý kiến: Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ mới là giấy khen của Ủy ban nhân

dân xã B về việc có nhiều đóng góp trong công tác từ thiện; xác nhận của địa phương về việc gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính, nuôi mẹ già. Ngoài ra, bị cáo còn tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự chưa được áp dụng. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị P và Lê Thị C là Luật sư Nguyễn Ngô Quang N1 phát biểu ý kiến: Các bị cáo Lê Thị P và Lê Thị C có các tình tiết giảm nhẹ mới như có cha là ông Lê Hữu D1 là người có công với cách mạng được tặng thưởng huân chương kháng chiến; các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình, chồng các bị cáo bị tai biến không đi lại được; đã nộp phạt bổ sung mỗi bị cáo 10.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo C và P và cho 02 bị cáo được hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo Mạch Thị Anh T2 là Luật sư Hồ Hoàng P1 phát biểu ý kiến: Về tội danh, thống nhất như bản án sơ thẩm đã xét xử. Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình tiết bị cáo đã nộp phạt bổ sung 10.000.000 đồng; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, chăm sóc mẹ già bị bệnh, được chính quyền địa phương xác nhận; bị cáo chấp hành tốt chính sách, pháp luật tại địa phương; có nơi cư trú rõ ràng; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, để giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo Trương Thành T1 là ông Trần Phước T13 phát biểu ý kiến: Bị cáo bị khuyết tật nặng, không tự sinh hoạt được, có giấy xác nhận khuyết tật. Bị cáo chấp hành tốt chủ trương của nhà nước, có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo cũng bị bệnh nhồi máu cơ tim, huyết áp cao. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và xử phạt các bị cáo các mức án phù hợp, có căn cứ, tương xứng. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo nhưng không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ đặc biệt nào mới nên đề nghị bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Võ Thị D, Trương Thị Kiều L, Trương Thành T1, Nguyễn Tùng K, Mạch Thị Anh T2 (tên gọi khác là Út H),

Nguyễn Trường V (tên gọi khác là D2), Lê Phước V1, Nguyễn Thị Kim T3 (tên gọi khác là T4), Lê Thị C, Lê Thị P, Nguyễn Văn T5 và Nguyễn Thị C1 đã thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, với lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, qua đó Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở để xác định như sau:

[1.1] Từ tháng 09/2020 đến ngày 22/12/2023, các bị cáo đã thực hiện hành vi tổ chức đánh bạc, đánh bạc dưới hình thức số lô, số đề được thua bằng tiền với tổng số tiền đánh bạc trong ngày từ 20.000 đồng đến 73.185.500 đồng, tổng thu lợi bất chính 885.775.000 đồng. Trong đó:

1. Võ Thị D nhiều lần tổ chức cho nhiều người tham gia đánh bạc 201 ngày, số tiền đánh bạc từ 862.500 đồng đến 39.663.000 đồng/ngày. Trong đó: có 05 ngày số tiền đánh bạc trên 20.000.000 đồng nhưng dưới 50.000.000 đồng/ngày, thu lợi 109.357.000 đồng. Ngoài ra, D còn trực tiếp tham gia đánh bạc với Hồ Minh T16, Nguyễn Thị Ngọc T17 với số tiền đánh bạc từ 6.000.000 đồng đến 13.555.000 đồng/ngày, thu lợi 14.755.000 đồng. Tổng thu lợi 124.512.000 đồng, đã giao nộp 20.000.000 đồng.

2. Trương Thị Kiều L nhiều lần tổ chức cho người tham gia đánh bạc 503 ngày, số tiền đánh bạc từ 825.000 đồng đến 73.185.500 đồng/ngày. Trong đó: có 12 ngày số tiền đánh bạc trên 20.000.000 đồng nhưng dưới 50.000.000 đồng/ngày và 01 ngày số tiền trên 50.000.000 đồng, thu lợi 184.570.000 đồng. Ngoài ra, L còn trực tiếp đánh bạc với Nguyễn Thị Kim T3, Lê Phước V1, Lê Thị C, Lê Thị P, Nguyễn Thị C1, Nguyễn Hồng H9, Nguyễn Trường V, Nguyễn Văn T5, Hàng Ngọc T18, số tiền đánh bạc từ 825.000 đồng đến 67.639.000 đồng/ngày, thu lợi 167.815.000 đồng. Tổng thu lợi 352.385.000 đồng, đã giao nộp 10.000.000 đồng.

3. Trương Thành T1 tham gia với bị cáo Võ Thị D tổ chức đánh bạc 173 ngày, số tiền đánh bạc từ 380.000 đồng đến 39.663.000 đồng, thu lợi 29.583.610 đồng. Trong đó, có 04 ngày trên 20.000.000 đồng.

4. Nguyễn Tùng K tham gia đánh bạc 173 ngày, số tiền đánh bạc từ 380.000 đồng đến 39.663.000 đồng/ngày.

5. Mạch Thị Anh T2 tham gia đánh bạc 10 ngày, số tiền đánh bạc từ 852.500 đồng đến 19.093.000 đồng/ngày. T20 lợi 4.304.000 đồng, đã giao nộp 4.304.000 đồng.

6. Nguyễn Thị C1 tham gia đánh bạc 501 ngày, số tiền đánh bạc từ 58.000 đồng đến **67.639.000 đồng/ngày**.

7. Nguyễn Trường V tham gia đánh bạc 61 ngày, số tiền đánh bạc từ 50.000 đồng đến 18.765.000, thu lợi 10.877.500 đồng, đã giao nộp 10.877.500 đồng.

8. Lê Phước V1 tham gia đánh bạc 29 ngày, số tiền đánh bạc từ 284.000 đồng đến 15.175.000 đồng/ngày.

9. Nguyễn Thị Kim T3 tham gia đánh bạc 06 ngày, số tiền đánh bạc từ 20.000 đồng đến 10.274.000 đồng/ngày.

10. Lê Thị C tham gia đánh bạc 04 ngày, số tiền đánh bạc từ 2.135.000 đồng đến 26.480.000 đồng/ngày, thu lợi 24.550.000 đồng, đã giao nộp 4.000.000 đồng.

11. Lê Thị P tham gia đánh bạc 14 ngày, số tiền đánh bạc từ 50.000 đồng đến 13.327.500 đồng/ngày.

12. Nguyễn Văn T5 tham gia đánh bạc 06 ngày, số tiền đánh bạc từ 217.500 đồng đến 13.100.000 đồng/ngày, thu lợi 8.655.500 đồng, đã giao nộp 2.000.000 đồng.

[2] Với các hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Võ Thị D phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*” và tội “*Đánh bạc*” theo điểm b khoản 2 Điều 322 và khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; Trương Thị Kiều L phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*” và tội “*Đánh bạc*” theo điểm b khoản 2 Điều 322 và điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự; bị cáo Trương Thành T1 phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*” theo điểm b khoản 2 Điều 322 Bộ luật hình sự; các bị cáo, Mạch Thị Anh T2, Nguyễn Tùng K, Lê Thị C, Nguyễn Trường V, Lê Phước V1, Lê Thị P, Nguyễn Thị Kim T3, Nguyễn Văn T5 phạm tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự và Nguyễn Thị C1 phạm tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự, là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an và an toàn cho xã hội, làm quần chúng nhân dân lên án và bất bình. Đây cũng là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác trong xã hội nên cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Xét kháng cáo của xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Võ Thị Diệu .

Trong vụ án, bị cáo là người giữ vai trò chính, nhận phôi đề từ các bị cáo khác cũng là chủ đề hoặc nhận từ các bị cáo tham gia đánh bạc, đồng thời bị cáo cũng trực tiếp tham gia đánh bạc, số tiền bị cáo đánh bạc mỗi ngày trên 5.000.000 đồng, phạm tội nhiều lần trong khoảng thời gian dài, trong khi bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, lấy tiền phạm tội làm nguồn thu nhập chính nên

thuộc trường hợp có tính chất chuyên nghiệp, là đối tượng cần phải nghiêm trị theo nguyên tắc xử lý tội phạm quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 Bộ luật hình sự.

Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng “phạm tội từ 02 lần trở lên” và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, từ đó xử phạt bị cáo 05 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc” và 01 năm tù về tội “Đánh bạc”, mức án ở đầu khung hình phạt của từng tội danh, đồng thời phạt bổ sung bị cáo số tiền 50.000.000đ, là nhẹ và có lợi cho bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xuất trình tình tiết là xác nhận của chính quyền địa phương về việc ủng hộ phát gạo cho người nghèo trong thời gian dịch Covid-19 và thân nhân có công với cách mạng nhưng các tình tiết không làm thay đổi đáng kể tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi do bị cáo thực hiện nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[5] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo Trương Thị Kiều L:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và người bào chữa của bị cáo cho rằng bị cáo L không phạm tội “Tổ chức đánh bạc”. Tuy nhiên, kết quả điều tra đã làm rõ, từ ngày 05/11/2021 đến ngày 22/12/2023, L bán, nhận phôi số lô, số đề cho Nguyễn Thị Kim T3, Lê Phước V1, Lê Thị C, Lê Thị P, Nguyễn Thị C1, Nguyễn Hồng H9, Nguyễn Trường V, Nguyễn Văn T5 và một số người khác không rõ họ tên, địa chỉ, thông qua hình thức người tham gia đánh bạc gọi điện thoại trực tiếp cho L, đọc các con số đề và số tiền đánh bạc, L ghi chép lại, đồng thời ghi âm nội dung các cuộc gọi đánh bạc để đối chiếu kết quả thắng thua trong ngày. Loan giữ lại một vài số lô, số đề để trực tiếp thắng thua với người đánh bạc, còn lại giao phôi số lô, số đề cho Võ Thị D để hưởng hoa hồng. Sau khi có kết quả xổ số, xác định số tiền thắng, thua thì thanh toán tiền mặt hoặc sử dụng tài khoản Ngân hàng S3 số 070130490921 tên Trương Thị Kiều L và số 070068197481 tên Nguyễn Tiến L2 (chồng bị can L) để thanh toán tiền đánh bạc. Như vậy, hành vi nêu trên của bị cáo L là hành vi giúp sức tích cực cho bị cáo D tổ chức đánh bạc nên bị cáo L cũng phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Tổ chức đánh bạc”. Ý kiến nêu trên của bị cáo và người bào chữa của bị cáo là không có cơ sở chấp nhận.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự và xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đồng thời áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, từ đó xử phạt bị cáo 02 năm

tù về tội “Tổ chức đánh bạc” và 03 năm tù về tội “Đánh bạc”, dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng là nhẹ và có lợi đối với bị cáo. Bởi lẽ, mặc dù bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nhưng bị cáo cũng có 01 tình tiết tăng nặng; mặt khác, bị cáo tổ chức cho nhiều người đánh bạc với số tiền đánh bạc mỗi ngày từ 825.000 đồng đến 73.185.500 đồng/ngày và trực tiếp đánh bạc với số tiền từ 825.000 đồng đến 67.639.000 đồng/ngày, phạm cùng một lúc 02 tội với vai trò tích cực chỉ sau bị cáo D; hơn nữa, bị cáo phạm tội nhiều lần và trong khoảng thời gian dài, thu lợi bất chính lớn, thuộc trường hợp có tính chất chuyên nghiệp nên việc áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo là chưa phù hợp. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo cũng là thiếu sót, không đảm bảo nguyên tắc công bằng đối với các bị cáo khác. Do đó, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo L là không có căn cứ chấp nhận.

[7] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của các bị cáo Mạch Thị Anh T2, Nguyễn Tùng K, Nguyễn Trường V, Nguyễn Thị Kim T3, Lê Thị C, Lê Thị P, Lê Phước V1, Trương Thành T1, Nguyễn Văn T5:

[7.1] Đối với bị cáo Trương Thành T1: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, từ đó xử phạt bị cáo 01 năm 6 tháng tù là phù hợp nên không có cơ sở giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm, bị cáo xuất trình giấy chứng nhận khuyết tật (mức độ khuyết tật nặng), là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo tốt; mặt khác, bản thân bị cáo bị khuyết tật nặng, đi lại khó khăn, không tự sinh hoạt được, nếu buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù sẽ gây khó khăn trong việc sinh hoạt và ảnh hưởng đến sức khỏe của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Việc cho bị cáo được hưởng án treo là cần thiết và không gây nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn đảm bảo tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo.

[7.2] Đối với các bị cáo Mạch Thị Anh T2, Nguyễn Tùng K, Nguyễn Trường V, Nguyễn Thị Kim T3, Lê Thị C, Lê Thị P, Lê Phước V1 và Nguyễn Văn T5:

[7.2.1] Đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim T3 và Lê Thị C: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo 01 năm tù. Hội đồng xét xử xét thấy, số tiền các bị cáo đánh bạc ít hơn các bị cáo khác và tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo cũng xuất trình thêm các tình tiết giảm nhẹ mới, trong đó bị cáo T3 có hoàn cảnh gia đình khó khăn; đang nuôi cha chồng 67 tuổi bị tai biến và mẹ chồng 76 tuổi bệnh nặng, đều không đi lại được; bị cáo có 1 con sinh năm 2010 bị bệnh tâm thần, dị

tật bẩm sinh ở vành tai; 01 con nhỏ 8 tuổi (được chính quyền địa phương xác nhận); Bị cáo Có xuất trình kỷ niệm chương chiến sĩ cách mạng bị địch bắt, tù đầy của ông Lê Hữu D1 (cha bị cáo); nộp phạt bổ sung và tiền thu lợi bất chính 30.550.000 đồng; xác nhận của chính quyền địa phương về việc bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, chồng bị tai biến không đi lại được; bản thân bị cáo bị bệnh tăng huyết áp. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[7.2.2] Đối với các bị cáo còn lại, Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội từ 02 lần trở lên” và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xử phạt các bị cáo cùng 01 năm tù, đầu khung hình phạt được áp dụng là phù hợp, đúng quy định pháp luật, nên không có cơ sở giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[7.2.3] Các bị cáo có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của bản thân. Lẽ ra, phải cố gắng lao động làm tốt công việc hiện có để tạo thu nhập chân chính nuôi sống bản thân và chăm lo tốt cho gia đình. Tuy nhiên, vì ham mê cờ bạc, các bị cáo đã bất chấp pháp luật để tham gia đánh bạc dưới hình thức số lô, số đề được thua bằng tiền, để thu lợi bất chính. Ngoài ra, các bị cáo phạm tội nhiều lần, trong khoảng thời gian dài, chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; mặt khác, bị cáo P và T5 có nhân thân xấu, từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc. Do đó, cần buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mới đảm bảo tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội, đặc biệt là trước tình hình tội phạm đánh bạc với hình thức chơi số đề, số lô ngày càng phổ biến như hiện nay. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo nêu trên.

[8] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị C1 kháng cáo xin được chuyển sang hình phạt tiền hoặc được hưởng án treo.

Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình điều tra, bị cáo tích cực hợp tác giúp Cơ quan điều tra giải quyết nhanh vụ án, nhận thức được hành vi phạm tội của mình nên bị cáo đã tự ra đầu thú; hiện nay hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bản thân bị cáo mắc nhiều bệnh nên chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Võ Thị D, Trương Thị Kiều L, Nguyễn Tùng K, Mạch Thị Anh T2 (tên gọi khác là Út H), Nguyễn Trường V (tên gọi khác là D2), Lê Phước V1, Lê Thị P, Nguyễn Văn T5; chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Trương Thành T1, Nguyễn Thị Kim T3 (tên gọi khác là T4), Lê Thị C và Nguyễn Thị C1; sửa một phần bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo T1, T3, C, C1. Lập luận này cũng là cơ sở để không chấp nhận đề nghị giữ

nguyên bản án sơ thẩm của vị đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[6] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Số tiền các bị cáo đã nộp tại cấp phúc thẩm sẽ được đối trừ trong giai đoạn thi hành án.

[8] Án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo Võ Thị D, Trương Thị Kiều L, Nguyễn Tùng K, Mạch Thị Anh T2 (tên gọi khác là Út H), Lê Phước V1, Nguyễn Văn T5 phải chịu; bị cáo Lê Thị P là người cao tuổi; bị cáo Nguyễn Trường V (tên gọi khác là D2) thuộc hộ nghèo, nên được miễn; các bị cáo Trương Thành T1, Nguyễn Thị Kim T3 (tên gọi khác là T4), Lê Thị C và Nguyễn Thị C1 không phải chịu, theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Võ Thị D, Trương Thị Kiều L, Nguyễn Tùng K, Mạch Thị Anh T2 (tên gọi khác là Út H), Nguyễn Trường V (tên gọi khác là D2), Lê Phước V1, Lê Thị P, Nguyễn Văn T5; chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Trương Thành T1, Nguyễn Thị Kim T3 (tên gọi khác là T4), Lê Thị C và Nguyễn Thị C1. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2025/HS-ST ngày 27/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang về hình phạt đối với các bị cáo Trương Thành T1, Nguyễn Thị Kim T3 (tên gọi khác là T4), Lê Thị C và Nguyễn Thị C1.

Tuyên xử:

[1] Tuyên bố các bị cáo Võ Thị D, Trương Thị Kiều L phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*” và tội “*Đánh bạc*”; bị cáo Trương Thành T1 phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*”; các bị cáo Nguyễn Thị C1, Mạch Thị Anh T2, Nguyễn Tùng K, Lê Thị C, Nguyễn Trường V, Lê Phước V1, Lê Thị P, Nguyễn Thị Kim T3, Nguyễn Văn T5 phạm tội “*Đánh bạc*”.

[2] Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 322; khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Võ Thị D **05 (năm)** năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc” và **01 (một)** năm tù về tội “Đánh bạc”; tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Võ Thị D phải chấp hành là **06 (sáu)** năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 24/12/2023).

Phạt bổ sung bị cáo Võ Thị D số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) sung vào ngân sách Nhà nước.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Võ Thị D để đảm bảo thi hành án.

[3] Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 322; điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58; Điều 54, Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Trương Thị Kiều L **02 (hai)** năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc” và **03 (ba)** năm tù về tội “Đánh bạc”; tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Trương Thị Kiều L phải chấp hành là **05 (năm)** năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

[4] Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 322, điểm s, p khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Trương Thành T1 **01 (một)** năm **06 (sáu)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **03 (ba)** năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 17/11/2025).

Giao bị cáo Trương Thành T1 cho Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh An Giang để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Trương Thành T1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

(Đã giải thích chế định án treo) .

[5] Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự. năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

[5.1] Xử phạt bị cáo Nguyễn Tùng K 01 (*một*) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt giam bị cáo chấp hành hình phạt.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Tùng K số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

[5.2] Xử phạt bị cáo Mạch Thị Anh T2 **01** (một) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt giam bị cáo chấp hành hình phạt.

Phạt bổ sung bị cáo Mạch Thị Anh T2 số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

[5.3] Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường V **01** (một) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Trường V số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

[5.4] Xử phạt bị cáo Lê Phước V1 **01** (một) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Lê Phước V1 số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

[5.5] Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim T3 **09** (chín) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị Kim T3 số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

[5.6] Xử phạt bị cáo Lê Thị C **09** (chín) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Lê Thị C số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

[5.7] Xử phạt bị cáo Lê Thị P **01** (một) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Lê Thị P số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

[5.8] Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T5 **01** (một) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn T5 số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước

[6] Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị C1 **01** (một) năm **03** (ba) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị C1 số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

[7] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Số tiền các bị cáo đã nộp tại cấp phúc thẩm gồm: Lê Thị P nộp 10.000.000 (Mười triệu) đồng; Lê Thị C nộp 30.550.000 (Ba mươi triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0000773, 0000775 cùng ngày 15/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang; Nguyễn Tùng K nộp 10.000.000 (Mười triệu) đồng theo biên lai thu số 0000309 ngày 28/4/2025 của Cục thi hành án dân sự (ny là Thi hành án dân sự) tỉnh An Giang, sẽ được đối trừ trong giai đoạn thi hành án.

[9] Án phí hình sự phúc thẩm:

Các bị cáo Võ Thị D, Trương Thị Kiều L, Nguyễn Tùng K, Mạch Thị Anh T2 (tên gọi khác là Út H), Lê Phước V1, Nguyễn Thị Kim T3 (tên gọi khác là T4), Nguyễn Văn T5, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng;

Bị cáo Nguyễn Trường V (tên gọi khác là D2) và Lê Thị P được miễn.

Các bị cáo Trương Thành T1, Lê Thị C và Nguyễn Thị C1, không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VCTVKSXXPT tại Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh An Giang; (24)
- VKSND tỉnh An Giang; (1)
- Công an tỉnh An Giang; (1)
- THA DS tỉnh An Giang; (1)
- TTG số 1 Công an tỉnh An Giang; (1)
- Các bị cáo; (12)
- Lưu hồ sơ vụ án (1). VP 05, 48b. (PPC).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Nhựt Bình